TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **05**/2025/KDTM-ST
Ngày: 23/01/2025
V/v: Tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Thân; Ông Phan Minh Tuấn;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2024/TLST-KDTM ngày 30/7/2024, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-KDTM ngày 03/01/2025 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đối với các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N** *(Tên viết tắt là: A);* Địa chỉ trụ sở chính: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T; Chức vụ: Phó Giám đốc A chi nhánh T5; Ông Đỗ Công T1; Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp A chi nhánh T5; Địa chỉ liên hệ: số C N, phường M, quận N, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Công ty TNHH P; Địa chỉ trụ sở chính: Đường G, P, phường T, quận N, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị T2; Chức vụ: Giám đốc;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(Các thành viên góp vốn Công ty TNHH P, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Công ty TNHH P):*

1. Bà Đỗ Thị T2; Sinh năm: 1974; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT *(Theo đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH P):* Thôn P, xã T (N là: Tổ dân phố P, phường T, quận N, thành phố Hà Nội*);*

2. Bà Đỗ Thanh T3; Sinh năm:……; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT *(Theo đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH P):* Xóm T, xã Đ (N là: Tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội*);*

3. Bà Nguyễn Thị Hồng H; Sinh năm: 1987; Địa chỉ nơi đăng ký HKTT *(Theo đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH P):* Xóm T, xã Đ (N là: Tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội*);*

(Đại diện Nguyên đơn có mặt; Đại diện Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2024; Bản tự khai đề ngày 22/10/2024; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng N, là Nguyên đơn trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện như sau: Từ ngày 08/3/2012 đến ngày 29/8/2012, Ngân hàng N *(Tên viết tắt là: A)* chi nhánh T5 với Công ty TNHH P có ký 11 Hợp đồng tín dụng giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P. Tổng cộng số tiền A cho Công ty TNHH P vay theo 11 Hợp đồng tín dụng là **44.995.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, cụ thể số tiền vay theo 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên như sau:

Số TT	Số Hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Số tiền vay
1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/3/2012	4.500.000.000
2	080312/HĐTD-PLH	08/3/2012	4.000.000.000
3	1932012/HDTD-PLH	19/3/2012	3.000.000.000
4	22032012/HĐTD-PLH	22/3/2012	1.300.000.000
5	23032012/HĐTD-PLH	23/3/2012	5.500.000.000
6	260312/HĐTD-PLH	26/3/2012	4.600.000.000
7	0442012/HĐTD-PLH	04/4/2012	1.400.000.000
			1.100.000.000
8	0372012/HĐTD-PLH	03/7/2012	4.895.000.000
9	2282012/HĐTD-PLH	22/8/2012	4.000.000.000

10	2782012/HĐTD-PLH	27/8/2012	4.500.000.000
11	2982012/HDTD-PLH	29/8/2012	6.200.000.000
TỔNG CỘNG			**44.995.000.000**

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên gồm có:

Tài sản 1: Quyền sử dụng thửa đất số 944, tờ bản đồ số C8 lập 1956 và tài sản gắn liền với đất tại số B H, phường C, quận H, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 10105255242, hồ sơ gốc số 4815.2003.QĐUB/12844.2003 cấp ngày 15/8/2003 do UBND thành phố H cấp;

Tài sản 2: Quyền sử dụng thửa đất số 187, tờ bản đồ số 24-a tại xóm G, xã T, huyện L, Hòa Bình (nay là Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM987965, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00799 do UBND huyện L cấp ngày 18/7/2008 do UBND thành phố H cấp;

Tài sản 3: Quyền đầu tư 01 block chung cư tại quận A thành phố Hồ Chí Minh, thuộc dự án M, chủ đầu tư là công ty TNHH M, đầu tư thứ phát là Công ty TNHH B;

Các tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ các khoản vay của Công ty TNHH P nêu trên tại A đã được chủ tài sản rút tài sản và hết nghĩa vụ đối với bảo lãnh khoản vay của Công ty TNHH P.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng nêu trên Công ty TNHH P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo thoả thuận tại các cam kết trả nợ trong Hợp đồng tín dụng. A chi nhánh T5 đã áp dụng nhiều biện pháp để thu hồi nợ nhưng đến nay Công ty TNHH P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, A đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH P thanh toán cho A căn cứ theo 11 Hợp đồng tín dụng ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 23/01/2025 là: **51.158.449.570 đồng** *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng)*, trong đó gồm có:

- Nợ gốc là: 29.991.578.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng);*

- Nợ lãi trong hạn là: 21.166.871.570 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi mốt tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm bẩy mươi mốt nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng);*

Số tiền theo 11 Hợp đồng tín dụng sau đây:

SỐ TT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HĐ	SỐ TIỀN VAY	NỢ GỐC	NỢ LÃI TRONG HẠN	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN NỢ

1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/03/2012	4,500,000,000	263,186,083	38,727,832	301,913,915
2	080312/HĐTD-PLH	08/03/2012	4,000,000,000	685,837,011	1,408,994,785	2,094,831,796
3	1932012/HDTD-PLH	19/03/2012	3,000,000,000	516,877,758	1,074,760,610	1,591,638,368
4	22032012/HĐTD-PLH	22/03/2012	1,300,000,000	229,647,529	468,541,108	698,188,637
5	23032012/HĐTD-PLH	23/03/2012	5,500,000,000	3,040,012,619	2,510,583,274	5,550,595,893
6	260312/HĐTD-PLH	26/03/2012	4,600,000,000	4,352,037,000	2,565,073,546	6,917,110,546
7	0442012/HĐTD-PLH	04/04/2012	1,400,000,000	1,324,533,000	785,098,556	2,109,631,556
		04/04/2012	1,100,000,000	1,040,701,000	617,248,315	1,657,949,315
8	0372012/HĐTD-PLH	03/07/2012	4,895,000,000	4,631,136,000	2,941,534,779	7,572,670,779
9	2282012/HĐTD-PLH	22/08/2012	4,000,000,000	3,784,380,000	2,385,316,512	6,169,696,512
10	27082012/HĐTD-PLH	27/08/2012	4,500,000,000	4,257,430,000	2,680,444,332	6,937,874,332
11	2982012/HDTD-PLH	29/08/2012	6,200,000,000	5,865,800,000	3,690,547,920	9,556,347,920
	TỔNG CỘNG:		**44,995,000,000**	**29,991,578,000**	**21,166,871,570**	**51,158,449,570**

2. Buộc Công ty TNHH P tiếp tục thanh toán cho A các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 24/01/2025 đến khi Công ty TNHH P trả hết nợ cho A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và gửi các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH P là Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan *(là các thành viên góp vốn Công ty TNHH P, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Công ty TNHH P),* nhưng họ đều vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án không lấy được lời khai của họ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 30; 35; 39; 48; 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 72; 73 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A đối với Công ty TNHH P. Buộc Công ty TNHH P thanh toán cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 23/01/2025 là: **51.158.449.570 đồng** *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bảy mươi đồng)*, theo 11 Hợp đồng tín dụng ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P và phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tính từ sau ngày xét xử cho đến khi Công ty TNHH P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: A là Nguyên đơn khởi kiện đối với Bị đơn: Công ty TNHH P về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng;

Đây là vụ án Kinh doanh thương mại, tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại phường T, quận N, thành phố Hà Nội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm b Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa ngày 03/01/2025 là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện A là Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn: Công ty TNHH P, cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty TNHH P thanh toán cho A căn cứ theo 11 Hợp đồng tín dụng ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty

TNHH P tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 23/01/2025 là: **51.158.449.570 đồng** *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng)*, trong đó gồm có:

- Nợ gốc là: 29.991.578.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng);*

- Nợ lãi trong hạn là: 21.166.871.570 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi mốt tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm bẩy mươi mốt nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng);*

Số tiền theo 11 Hợp đồng tín dụng sau đây:

SỐ TT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HĐ	SỐ TIỀN VAY	NỢ GỐC	NỢ LÃI TRONG HẠN	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN NỢ
1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/03/2012	4,500,000,000	263,186,083	38,727,832	301,913,915
2	080312/HĐTD-PLH	08/03/2012	4,000,000,000	685,837,011	1,408,994,785	2,094,831,796
3	1932012/HDTD-PLH	19/03/2012	3,000,000,000	516,877,758	1,074,760,610	1,591,638,368
4	22032012/HĐTD-PLH	22/03/2012	1,300,000,000	229,647,529	468,541,108	698,188,637
5	23032012/HĐTD-PLH	23/03/2012	5,500,000,000	3,040,012,619	2,510,583,274	5,550,595,893
6	260312/HĐTD-PLH	26/03/2012	4,600,000,000	4,352,037,000	2,565,073,546	6,917,110,546
7	0442012/HĐTD-PLH	04/04/2012	1,400,000,000	1,324,533,000	785,098,556	2,109,631,556
		04/04/2012	1,100,000,000	1,040,701,000	617,248,315	1,657,949,315
8	0372012/HĐTD-PLH	03/07/2012	4,895,000,000	4,631,136,000	2,941,534,779	7,572,670,779
9	2282012/HĐTD-PLH	22/08/2012	4,000,000,000	3,784,380,000	2,385,316,512	6,169,696,512
10	27082012/HĐTD-PLH	27/08/2012	4,500,000,000	4,257,430,000	2,680,444,332	6,937,874,332
11	2982012/HDTD-PLH	29/08/2012	6,200,000,000	5,865,800,000	3,690,547,920	9,556,347,920
	TỔNG CỘNG:		**44,995,000,000**	**29,991,578,000**	**21,166,871,570**	**51,158,449,570**

2. Buộc Công ty TNHH P tiếp tục thanh toán cho A các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 24/01/2025 đến khi Công ty TNHH P trả hết nợ cho A.

Xét 11 Hợp đồng tín dụng ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P, gồm các Hợp đồng tín dụng sau đây:

Số TT	Số Hợp đồng	Ngày ký Hợp đồng	Số tiền vay

1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/3/2012	4.500.000.000
2	080312/HĐTD-PLH	08/3/2012	4.000.000.000
3	1932012/HDTD-PLH	19/3/2012	3.000.000.000
4	22032012/HĐTD-PLH	22/3/2012	1.300.000.000
5	23032012/HĐTD-PLH	23/3/2012	5.500.000.000
6	260312/HĐTD-PLH	26/3/2012	4.600.000.000
7	0442012/HĐTD-PLH	04/4/2012	1.400.000.000
			1.100.000.000
8	0372012/HĐTD-PLH	03/7/2012	4.895.000.000
9	2282012/HĐTD-PLH	22/8/2012	4.000.000.000
10	2782012/HĐTD-PLH	27/8/2012	4.500.000.000
11	2982012/HDTD-PLH	29/8/2012	6.200.000.000
TỔNG CỘNG			**44.995.000.000**

Tổng cộng số tiền A cho Công ty TNHH P vay theo 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên là: **44.995.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, nhận thấy: 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P, là người có thẩm quyền, nội dung và hình thức của 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên đúng quy định của pháp luật. Các bên đương sự ký kết 11 Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Điều 121 và Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 90; 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự.

Đối chiếu với nội dung của 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên, cũng như quá trình thực hiện 11 Hợp đồng tín dụng, thấy: Công ty TNHH P đã vi phạm về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 6 trong các Hợp đồng tín dụng nên A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH P phải có nghĩa vụ trả A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 23/01/2025 và phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Về việc áp dụng lãi suất của A đối với khoản nợ của Công ty TNHH P trong quá trình thực hiện 11 Hợp đồng tín dụng, A đã thực hiện như thỏa thuận trong 11 Hợp đồng tín dụng đã ký giữa A chi nhánh T5 với Công ty TNHH P.

Xét thấy A không yêu cầu Công ty TNHH P thanh toán nợ lãi quá hạn đối với khoản nợ của Công ty TNHH P là hoàn toàn tự nguyện, A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ theo 11 Hợp đồng tín dụng ký giữa Bên cho vay: Ngân hàng N, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P, buộc Công ty TNHH P thanh toán cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 23/01/2025 là: **51.158.449.570 đồng** *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng)*, trong đó gồm có:

- Nợ gốc là: 29.991.578.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng);*

- Nợ lãi trong hạn là: 21.166.871.570 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi mốt tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm bẩy mươi mốt nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng);*

Số tiền theo 11 Hợp đồng tín dụng sau đây:

SỐ TT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HĐ	SỐ TIỀN VAY	NỢ GỐC	NỢ LÃI TRONG HẠN	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN NỢ
1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/03/2012	4,500,000,000	263,186,083	38,727,832	301,913,915
2	080312/HĐTD-PLH	08/03/2012	4,000,000,000	685,837,011	1,408,994,785	2,094,831,796
3	1932012/HDTD-PLH	19/03/2012	3,000,000,000	516,877,758	1,074,760,610	1,591,638,368
4	22032012/HĐTD-PLH	22/03/2012	1,300,000,000	229,647,529	468,541,108	698,188,637
5	23032012/HĐTD-PLH	23/03/2012	5,500,000,000	3,040,012,619	2,510,583,274	5,550,595,893
6	260312/HĐTD-PLH	26/03/2012	4,600,000,000	4,352,037,000	2,565,073,546	6,917,110,546
7	0442012/HĐTD-PLH	04/04/2012	1,400,000,000	1,324,533,000	785,098,556	2,109,631,556
		04/04/2012	1,100,000,000	1,040,701,000	617,248,315	1,657,949,315
8	0372012/HĐTD-PLH	03/07/2012	4,895,000,000	4,631,136,000	2,941,534,779	7,572,670,779
9	2282012/HĐTD-PLH	22/08/2012	4,000,000,000	3,784,380,000	2,385,316,512	6,169,696,512
10	27082012/HĐTD-PLH	27/08/2012	4,500,000,000	4,257,430,000	2,680,444,332	6,937,874,332
11	2982012/HDTD-PLH	29/08/2012	6,200,000,000	5,865,800,000	3,690,547,920	9,556,347,920
	TỔNG CỘNG:		**44,995,000,000**	**29,991,578,000**	**21,166,871,570**	**51,158,449,570**

Buộc Công ty TNHH P tiếp tục thanh toán cho A các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên tính từ ngày 24/01/2025 đến khi Công ty TNHH P trả hết nợ cho A.

Đối với các tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ các khoản vay nêu trên của Công ty TNHH P, A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không yêu cầu phản tố, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Công ty TNHH P phải chịu: 159.158.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng)* toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Hoàn trả lại A số tiền: 79.200.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm, A đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 150; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 121; 122; 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm c Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngân hàng N *(Tên viết tắt là: A)* đối với Bị đơn: Công ty TNHH P, về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, như sau:

1. Buộc Công ty TNHH P thanh toán cho A tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn tính đến ngày Tòa án xét xử 23/01/2025 là: **51.158.449.570 đồng** *(Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bẩy mươi đồng)*, số tiền theo 11 Hợp đồng tín dụng sau đây ký giữa Bên cho vay: A, chi nhánh T5 với Bên vay: Công ty TNHH P:

SỐ TT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HĐ	SỐ TIỀN VAY	NỢ GỐC	NỢ LÃI TRONG HẠN	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN NỢ
1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/03/2012	4,500,000,000	263,186,083	38,727,832	301,913,915

2	080312/HĐTD-PLH	08/03/2012	4,000,000,000	685,837,011	1,408,994,785	2,094,831,796
3	1932012/HDTD-PLH	19/03/2012	3,000,000,000	516,877,758	1,074,760,610	1,591,638,368
4	22032012/HĐTD-PLH	22/03/2012	1,300,000,000	229,647,529	468,541,108	698,188,637
5	23032012/HĐTD-PLH	23/03/2012	5,500,000,000	3,040,012,619	2,510,583,274	5,550,595,893
6	260312/HĐTD-PLH	26/03/2012	4,600,000,000	4,352,037,000	2,565,073,546	6,917,110,546
7	0442012/HĐTD-PLH	04/04/2012	1,400,000,000	1,324,533,000	785,098,556	2,109,631,556
		04/04/2012	1,100,000,000	1,040,701,000	617,248,315	1,657,949,315
8	0372012/HĐTD-PLH	03/07/2012	4,895,000,000	4,631,136,000	2,941,534,779	7,572,670,779
9	2282012/HĐTD-PLH	22/08/2012	4,000,000,000	3,784,380,000	2,385,316,512	6,169,696,512
10	27082012/HĐTD-PLH	27/08/2012	4,500,000,000	4,257,430,000	2,680,444,332	6,937,874,332
11	2982012/HDTD-PLH	29/08/2012	6,200,000,000	5,865,800,000	3,690,547,920	9,556,347,920
	TỔNG CỘNG:		**44,995,000,000**	**29,991,578,000**	**21,166,871,570**	**51,158,449,570**

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong 11 Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty TNHH P phải chịu: 159.158.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi tám nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả lại A số tiền: 79.200.000 đồng *(Bằng chữ: Bẩy mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm, A đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm *(Biên lai số 0009907 ngày 30/7/2024).*

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

ơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

ơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị

Đỗ Thị Lệ Thủy

BẢNG KÊ HỒ SƠ CÔNG TY TNHH PHÁT LÂM HỘI
TÍNH ĐẾN NGÀY 23/01/2025

SỐ TT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HĐ	SỐ TIỀN VAY	NỢ GỐC	NỢ LÃI TRONG HẠN	TỔNG CỘNG SỐ TIỀN NỢ
1	0803-2012/HDTD-PLH-01	08/03/2012	4,500,000,000	263,186,083	38,727,832	301,913,915
2	080312/HĐTD-PLH	08/03/2012	4,000,000,000	685,837,011	1,408,994,785	2,094,831,796
3	1932012/HDTD-PLH	19/03/2012	3,000,000,000	516,877,758	1,074,760,610	1,591,638,368
4	22032012/HĐTD-PLH	22/03/2012	1,300,000,000	229,647,529	468,541,108	698,188,637

5	23032012/HĐTD-PLH	23/03/2012	5,500,000,000	3,040,012,619	2,510,583,274	5,550,595,893
6	260312/HĐTD-PLH	26/03/2012	4,600,000,000	4,352,037,000	2,565,073,546	6,917,110,546
7	0442012/HĐTD-PLH	04/04/2012	1,400,000,000	1,324,533,000	785,098,556	2,109,631,556
		04/04/2012	1,100,000,000	1,040,701,000	617,248,315	1,657,949,315
8	0372012/HĐTD-PLH	03/07/2012	4,895,000,000	4,631,136,000	2,941,534,779	7,572,670,779
9	2282012/HĐTD-PLH	22/08/2012	4,000,000,000	3,784,380,000	2,385,316,512	6,169,696,512
10	27082012/HĐTD-PLH	27/08/2012	4,500,000,000	4,257,430,000	2,680,444,332	6,937,874,332
11	2982012/HDTD-PLH	29/08/2012	6,200,000,000	5,865,800,000	3,690,547,920	9,556,347,920
	TỔNG CỘNG:		**44,995,000,000**	**29,991,578,000**	**21,166,871,570**	**51,158,449,570**

LẬP BIỂU **KIỂM SOÁT** **GIÁM ĐỐC**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ T4